FireAnt

CTCP Armephaco (UPCOM: AMP)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	25,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
SL cổ phiếu LH	13,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
P/E	
EPS	

	YTD	1T	3T	6T
AMP	2.8%	0.0%	2.8%	49.7%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản

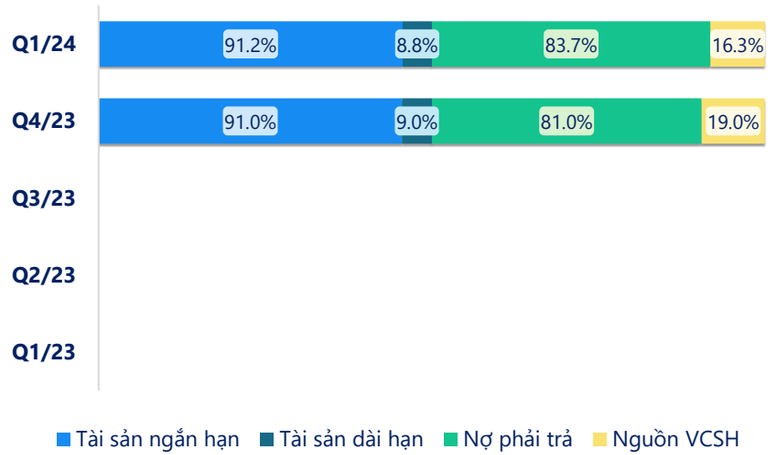

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

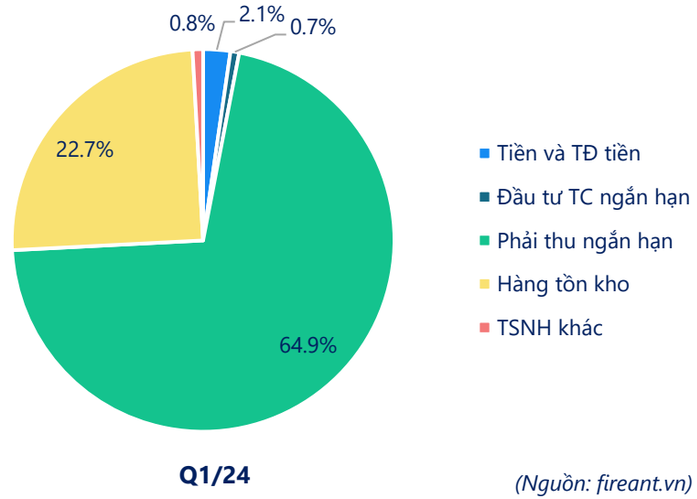

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

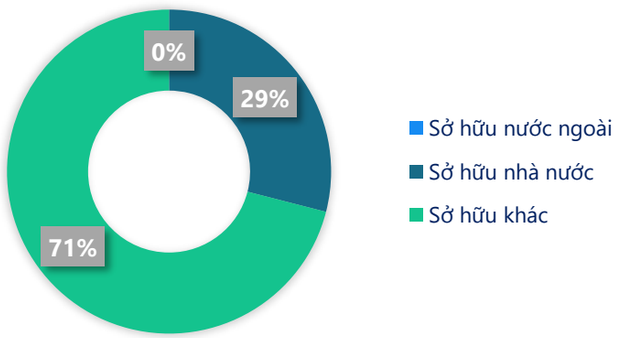

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

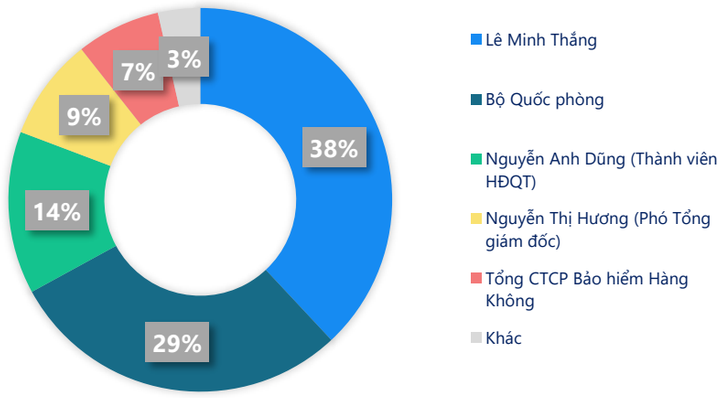

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

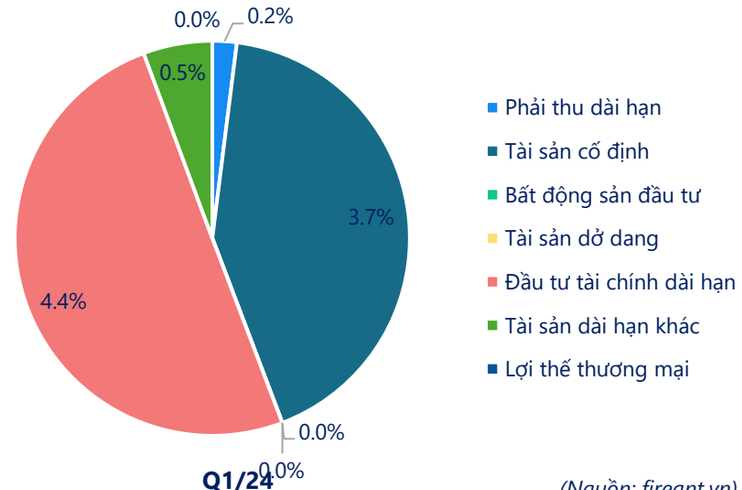

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Armephaco (UPCOM: AMP)

Tiền và tương đương tiền

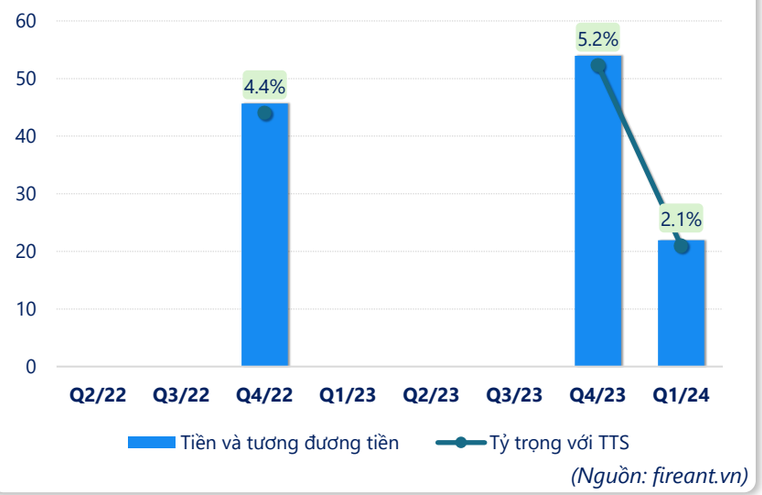

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

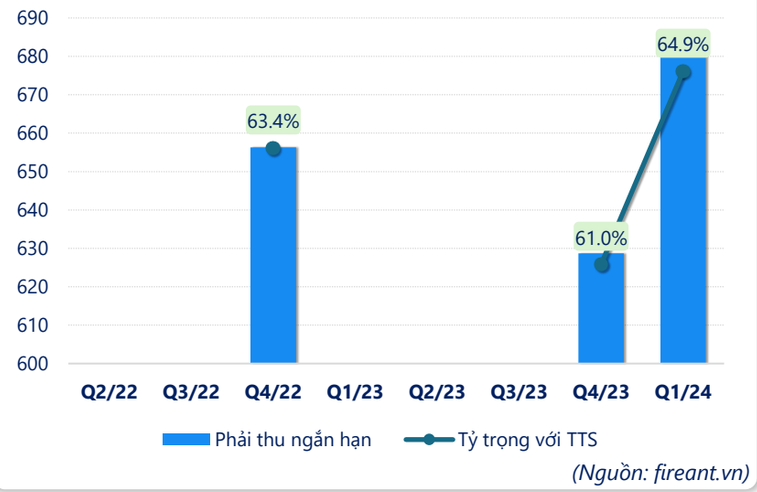

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

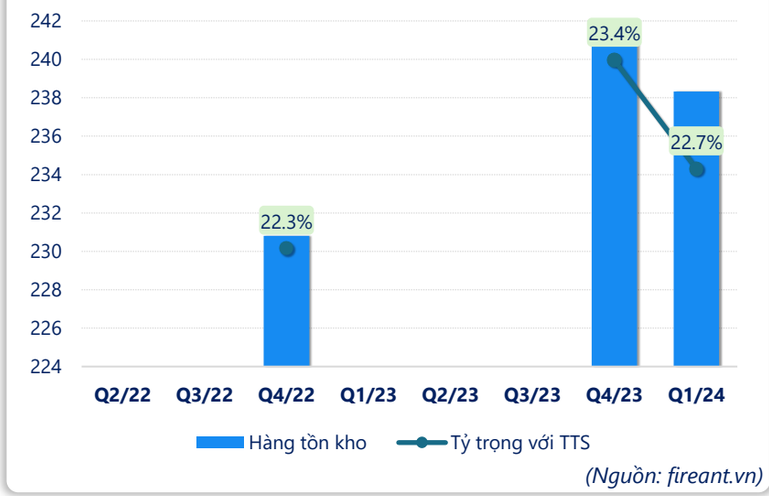

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

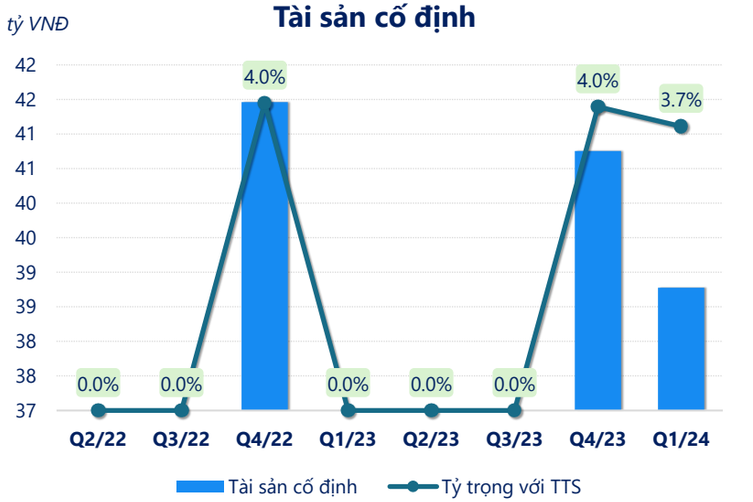

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

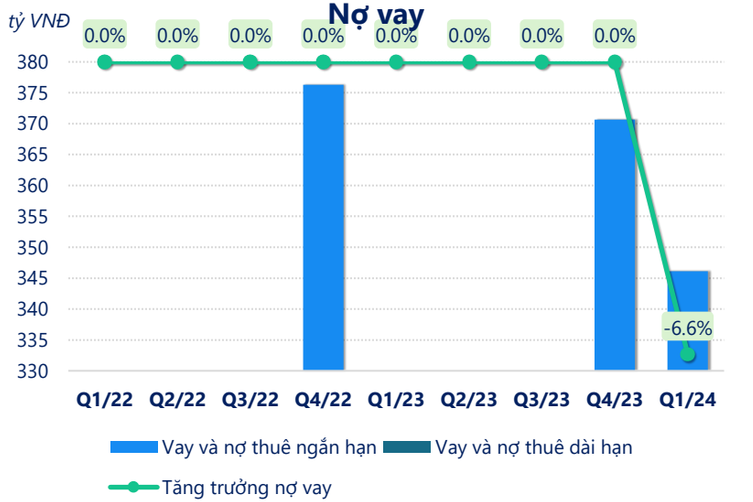

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

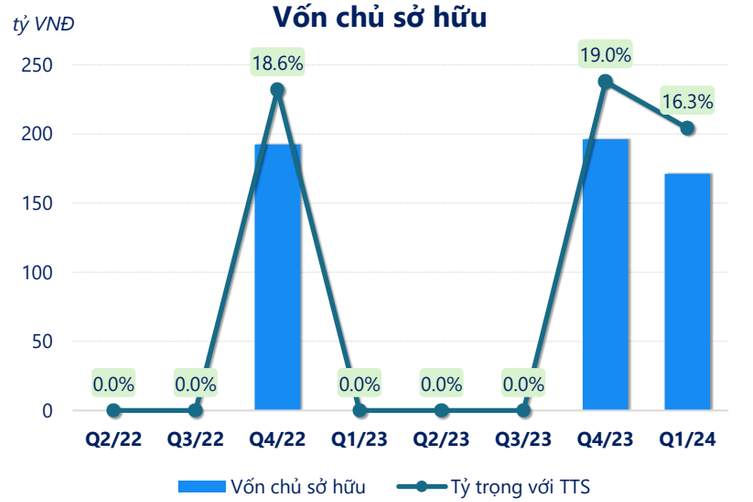

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Armephaco (UPCOM: AMP)

Kết quả kinh doanh

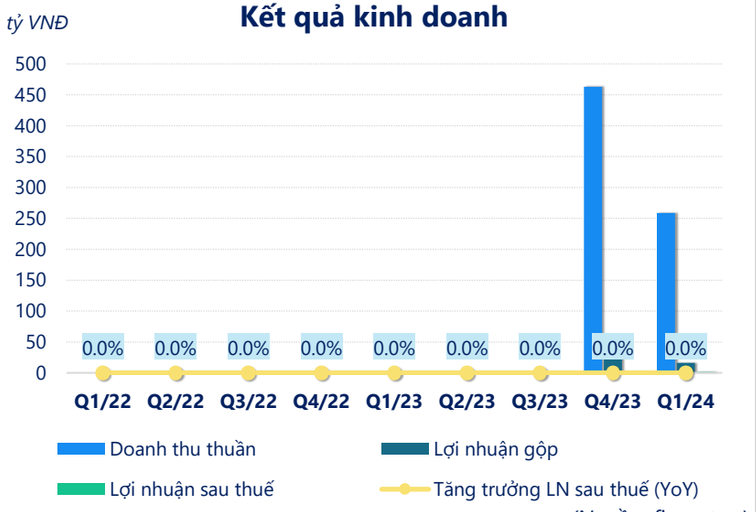

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

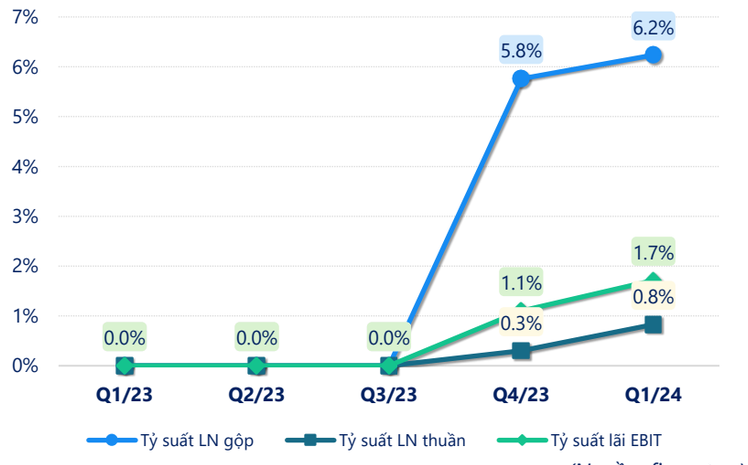

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

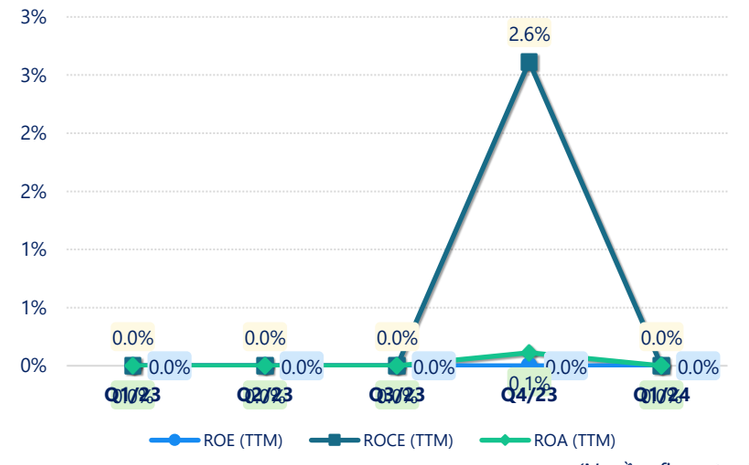

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

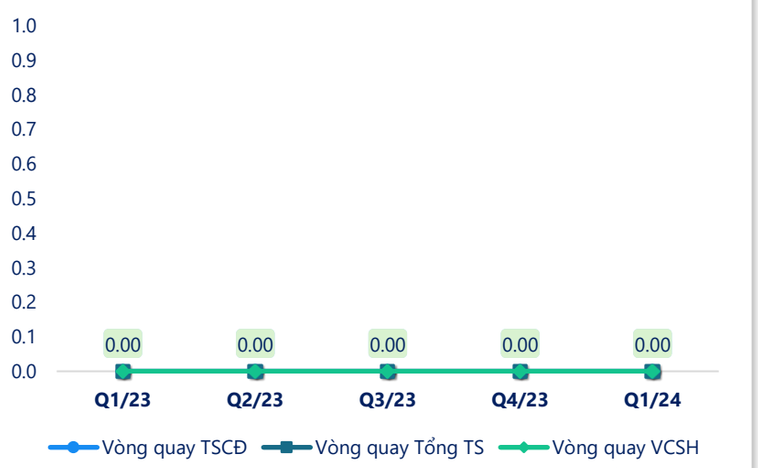

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

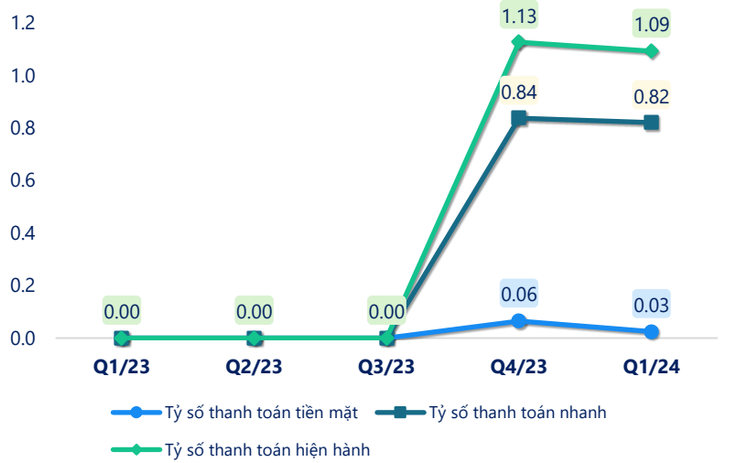

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

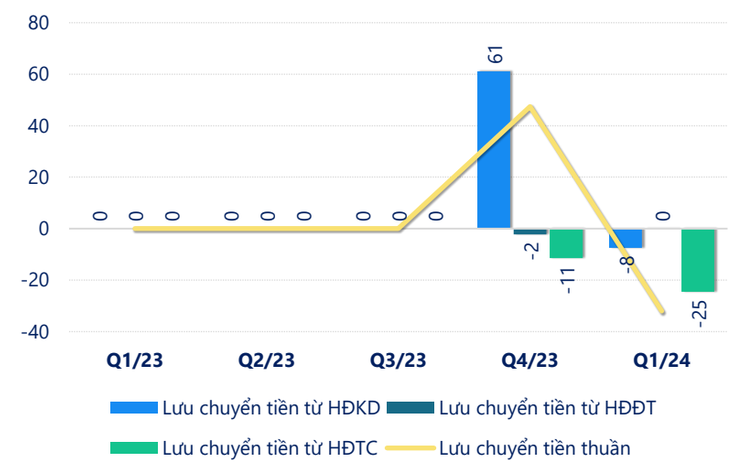

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Armephaco (UPCOM: AMP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,048**	**1,030**	**1.7%**
Tài sản ngắn hạn	956	936	2.1%
Tiền và tương đương tiền	21.9	54.7	-59.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.03	7.03	0.0%
Phải thu ngắn hạn	680	627	8.6%
Hàng tồn kho	238	241	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	8.46	6.89	22.9%
Tài sản dài hạn	**91.8**	**94.0**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	1.83	2.84	-35.5%
Tài sản cố định	38.8	40.6	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.61	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.0	44.8	2.7%
Tài sản dài hạn khác	**5.19**	**5.15**	**0.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	877	860	1.9%
Nợ ngắn hạn	**876**	**859**	**1.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	346	371	-6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	341	289	17.9%
Nợ dài hạn	0.93	0.93	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**171**	**170**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**171**	**170**	**0.9%**
Vốn điều lệ	130	130	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.05**	**0.05**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần				463	259
Giá vốn hàng bán				436	243
Lợi nhuận gộp				26.7	16.1
Doanh thu HĐTC				0.24	0.02
Chi phí TC				5.50	2.81
Chi phí lãi vay				3.66	2.53
LN trong công ty LKLD				2.95	2.13
Chi phí bán hàng				9.25	5.62
Chi phí QLDN				13.7	7.71
LN thuần từ HĐKD				1.39	2.14
Lợi nhuận khác				0.06	-0.24
LN trước thuế				1.44	1.90
Lợi nhuận sau thuế				1.16	1.55
LNST của CĐ cty mẹ				1.16	1.55

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	61.1	-7.51
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	-2.27	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-11.4	-24.5
Tiền đầu kỳ	0	0	0	6.50	53.9
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**0**	**47.4**	**-32.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	0	53.9	21.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic